

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 15/2019/HNGĐ-ST
Ngày 10-5-2019
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Văn Hóa

Ông Vũ Văn Lầy

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Đoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2019/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2019, về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 179/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 214/2019/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Bích N; ĐKKHKT: Tổ 2, phường P, quận K, thành phố Hải Phòng; trú tại: Số 12/226 đường L, phường P, quận K, thành phố Hải Phòng. (Có mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Minh P; ĐKKHKT: Thôn 1, xã VT, huyện B, thành phố Hải Phòng; trú tại: Tổ 1, phường V, quận K, thành phố Hải Phòng. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/7/2018, các bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Đỗ Thị Bích N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh Nguyễn Minh P có đăng ký kết hôn ngày 11/4/2012, tại Ủy ban nhân dân xã VT, huyện B, thành phố Hải Phòng. Trước khi kết hôn chị N và anh P được tự do tìm hiểu, tự nguyện đi đến hôn nhân. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà số 44, tổ 1, phường V, quận K, thành phố Hải Phòng; vợ chồng chung sống hòa thuận được hơn một năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau về tính cách, quan

điểm sống, hơn nữa anh P lại mắc vào tệ nạn xã hội nghiện ma túy, không chịu làm ăn, không quan tâm đến gia đình, vợ, con dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau, xúc phạm nhau và xảy ra xô sát. Từ tháng 12/2017 đến nay chị N đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống; vợ chồng sống ly thân, mỗi người một nơi và không quan tâm đến nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hòa giải nhưng không đạt kết quả. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh P.

Về con chung: Chị Đỗ Thị Bích N và anh Nguyễn Minh P có một con chung là Nguyễn Minh A, sinh ngày 24/10/2012. Hiện nay chị N làm nghề tự do, thu nhập bình quân một tháng là 20.000.000 đồng; chị và con đang ở cùng nhà với bố mẹ đẻ chị N; chị N khẳng định chị có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và thực tế từ khi sống ly thân với anh P chị vẫn chăm sóc con tốt, con khỏe mạnh và phát triển bình thường, hơn nữa anh P không có công việc, không có thu nhập lại mắc vào tệ nạn xã hội nghiện ma túy nên chị N xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Minh A đến khi con trưởng thành, chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Đỗ Thị Bích N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân quận K đã tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh Nguyễn Minh P đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành lấy được lời khai của anh P, không tiến hành hòa giải được và anh P cũng không có văn bản thể hiện quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử và tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai mà anh P vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Tại Biên bản lấy lời khai, ông Đỗ Đình H là bố đẻ của chị Đỗ Thị Bích N trình bày: Chị N và anh P kết hôn với nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VT, huyện B, thành phố Hải Phòng ngày 11/4/2012. Sau khi kết hôn anh P – chị N không sinh sống tại xã VT, huyện B, thành phố Hải Phòng mà sinh sống tại 1, phường V, quận K, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống: Anh P chị N sống hòa thuận, hạnh phúc được hơn một năm thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp; mặt khác anh P nghiện ma túy, không chịu làm ăn, không quan tâm đến gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra xô sát, cãi nhau. Do mâu thuẫn vợ chồng nên từ tháng 12/2017 đến nay, chị N và con chung của chị N và anh P đã về gia đình ông H sinh sống, còn anh P vẫn sinh sống tại nhà số 44, 1, phường V, quận K, thành phố Hải Phòng. Gia đình cũng đã nhiều lần hòa giải, động viên anh P và chị N về hàn gắn đoàn tụ nhưng không có kết quả. Nay chị N có đơn xin ly hôn anh P, do anh P, chị N đã trưởng thành, tự quyết định được cuộc sống riêng của mình nên đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo pháp luật. Về con chung: Chị N và anh P có 01 con chung là Nguyễn Minh A, sinh ngày 14/10/2012, do anh P nghiện ma túy, không đảm bảo việc nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con nên gia đình đề nghị Tòa án giao con chung của anh P và chị N cho chị N được trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi

con: Chị N và anh P tự thỏa thuận với nhau gia đình không có ý kiến gì. Về tài sản chung: Anh P, chị N không có tài sản gì chung.

Tại Biên bản xác minh, thu thập chứng cứ ngày 15/01/2019; Công an xã VT, huyện B, thành phố Hải Phòng cung cấp: Theo sổ đăng ký hộ khẩu thường trú NK3 lưu trữ tại Ủy ban nhân dân xã VT, huyện B, thành phố Hải Phòng thì năm 2002 anh P và gia đình anh P có chuyển hộ khẩu từ xã VT, huyện B, thành phố Hải Phòng ra quận K, thành phố Hải Phòng sinh sống. Đến năm 2011 gia đình anh P lại xin chuyển khẩu về xã VT, huyện B, thành phố Hải Phòng; do đó, hiện tại anh Nguyễn Minh P có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn 1, xã VT, huyện B, thành phố Hải Phòng. Tuy nhiên, kể từ sau khi chuyển khẩu về xã VT anh P không sinh sống tại địa phương mà chủ yếu sống ở phường V, quận K, thành phố Hải Phòng. Hiện tại theo thông tin mà Công an xã VT nắm được thì anh Nguyễn Minh P vẫn đang sinh sống và làm việc tại tổ 1, phường V, quận K, thành phố Hải Phòng.

Ngày 04/12/2018 Tổ dân phố 1, phường V, quận K, thành phố Hải Phòng xác nhận anh Nguyễn Minh P, sinh năm 1991 hiện đang tạm trú tại nhà số 44, ngõ 119, tổ 1, phường V, quận K, thành phố Hải Phòng.

Tổ dân phố, Hội phụ nữ tổ 1, phường V, quận K, thành phố Hải Phòng cùng cung cấp: Chị Đỗ Thị Bích N và anh Nguyễn Minh P là vợ chồng, sinh sống nhà số 44, ngõ 119, tổ 1, phường V, quận K, thành phố Hải Phòng từ năm 2011 đến tháng 12/2017 do mâu thuẫn vợ chồng chị N đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, nguyên nhân mâu thuẫn phát sinh là do anh P nghiện ma túy đá, chơi bời, không lo làm ăn. Chị N và anh P có 01 con chung là Nguyễn Minh A, sinh ngày 24/10/2012, chị N và anh P không có tài sản chung, không có công nợ chung.

Tổ trưởng tổ dân phố 2, phường P, quận K, thành phố Hải Phòng cung cấp: Chị Đỗ Thị Bích N, sinh năm 1990 cùng con gái là Nguyễn Minh A, sinh năm 2012 đã về ở cùng bố mẹ đẻ là ông Đỗ Đình H và bà Nguyễn Thị Bích, hiện đang cư trú tại nhà số 12/226 L, tổ 2, phường P, quận K, thành phố Hải Phòng từ tháng 12/2017 đến nay. Con gái chị N là Nguyễn Minh A được chăm sóc đầy đủ, phát triển bình thường. Chị N và anh P không có tài sản chung.

Tại Biên bản xác minh ngày 16/4/2019 Công an phường V, quận K, thành phố Hải Phòng cung cấp: Anh Nguyễn Minh P và vợ là Đỗ Thị Bích N thực tế có chuyển đến sinh sống tại số 44/119 đường L, Tổ 1, phường V, quận K, thành phố Hải Phòng từ khoảng năm 2014, khi chuyển đến sống tại địa chỉ trên anh P và chị N không làm thủ tục khai báo tạm trú với Công an phường V.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Về cơ bản đã thực hiện đúng trình tự tố tụng; đối với nguyên đơn đã tuân theo đúng quy định của pháp luật; đối với bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng, vi phạm quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn xử cho chị Đỗ Thị Bích N được ly hôn anh Nguyễn Minh P. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Minh A, sinh ngày

24/10/2012 cho chị Đỗ Thị Bích N được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị Đỗ Thị Bích N phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn là anh Nguyễn Minh P có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã VT, huyện B, thành phố Hải Phòng nhưng anh Nguyễn Minh P lại thường xuyên sinh sống tại Tổ dân phố 1, phường V, quận K, thành phố Hải Phòng. Sau khi chị Đỗ Thị Bích N nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện B, thành phố Hải Phòng, Tòa án nhân dân huyện B đã xác định thẩm quyền giải quyết vụ án này thuộc Tòa án nhân dân quận K và đã có Quyết định chuyển hồ sơ vụ việc dân sự số 01/2019/QĐ-CHSVA ngày 15/01/2019 đến Tòa án nhân dân quận K. Do bị đơn thường xuyên sinh sống tại quận K nên tranh chấp này Tòa án nhân dân huyện B chuyển đến Tòa án nhân dân quận K để giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Tòa án nhân dân quận K đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại Điều 196, Điều 208, Điều 220, Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh Nguyễn Minh P không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là anh Nguyễn Minh P.

[3] Về quan hệ pháp luật: Chị Đỗ Thị Bích N và anh Nguyễn Minh P có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã VT, huyện B, thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 13/2012 ngày 11/4/2012. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ theo quy định tại khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về hôn nhân: Trong quá trình chung sống chị N và anh P đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính cách vợ chồng không hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau, xúc phạm nhau; chị N và anh P đã sống ly thân, trong thời gian vợ chồng mâu thuẫn chị N và anh P không có biện pháp giải quyết mà để mặc cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và kéo dài; trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần khuyên chị N rút đơn khởi kiện để về đoàn tụ chung sống cùng anh P nhưng chị N vẫn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh P; Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh P để giải quyết việc chị N có đơn xin ly hôn và tiến hành hòa giải nhưng anh P đều vắng mặt không có lý do. Chứng tỏ tình cảm giữa chị N và anh P không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, hai bên cùng không có ý thức hàn gắn đoàn tụ. Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị Đỗ Thị Bích N được ly hôn anh Nguyễn Minh P. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Đỗ Thị Bích N và đề

ngợi của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ, phù hợp thực tế vụ kiện và phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần được chấp nhận.

[5] Về con chung: Chị Đỗ Thị Bích N và anh Nguyễn Minh P có một con chung là Nguyễn Minh A, sinh ngày 24/10/2012. Chị N hiện là lao động tự do không có tài liệu chứng minh cho thu nhập bình quân hàng tháng của chị N, tuy nhiên chị N khẳng định chị có đủ điều kiện để nuôi con; từ khi chị N và anh P sống ly thân chị là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị đã chăm sóc tốt cho cháu Minh A, cháu Minh A được sống và phát triển bình thường; khi ly hôn nguyện vọng của chị N là xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi con trưởng thành. Xét thấy việc giao con chung là Nguyễn Minh A cho chị N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con trưởng thành là phù hợp pháp luật, phù hợp thực tế và đây cũng là quan điểm của Viện Kiểm sát nhân dân quận K tại phiên tòa cần chấp nhận.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về cấp dưỡng nuôi con; nếu sau khi ly hôn chị N, anh P có yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[7] Về tài sản chung: Chị Đỗ Thị Bích N không yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau khi ly hôn chị N, anh P có yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản chung thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[8] Về án phí: Chị Đỗ Thị Bích N phải nộp án phí dân sự ly hôn sơ thẩm.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Bích N:

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Đỗ Thị Bích N và anh Nguyễn Minh P.

- Về con chung: Giao cho chị Đỗ Thị Bích N được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Minh A, sinh ngày 24/10/2012 đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật;

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau khi ly hôn chị N, anh P có yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

- Về án phí: Chị Đỗ Thị Bích N phải nộp tiền án phí dân sự ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001136 ngày 16/8/2018, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, thành phố Hải Phòng; chị Đỗ Thị Bích N đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Quyền kháng cáo đối với bản án: Chị Đỗ Thị Bích N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; anh Nguyễn Minh P có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDTP Hải Phòng;
- VKSNDTP Hải Phòng;
- VKSND quận K;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã VT, B, Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lan Hương

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Văn Hóa Vũ Văn Lầy Nguyễn Thị Lan Hương